

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2012/NQ-HĐND

*Lào Cai, ngày 12 tháng 7 năm 2012*

## **NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua một số chính sách khuyến khích  
phát triển sản xuất lâm nghiệp, giai đoạn 2012-2015**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI KHÓA XIV - KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định 61/2010/NĐ-CP ngày 04/6/2010 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo;

Căn cứ Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ về quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý rừng;

Căn cứ Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách phát triển rừng sản xuất, giai đoạn 2007-2015;

Căn cứ Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ Quyết định số 73/2010/QĐ-TTg ngày 16/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh;

Căn cứ Quyết định số 66/2011/QĐ-TTg ngày 09/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 về một số chính sách phát triển rừng sản xuất giai đoạn 2007-2015;

Căn cứ Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng;

Căn cứ Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20/5/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ;

Căn cứ Quyết định số 282-QĐ/TU ngày 15/11/2011 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai phê duyệt Đề án phát triển và nâng cao hiệu quả sản xuất lâm nghiệp tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2011-2015;

Xét Tờ trình số 60/TTr-UBND ngày 15/6/2012 của UBND tỉnh Lào Cai về một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất lâm nghiệp, giai đoạn 2012 - 2015; Báo cáo thẩm tra số 32/BC-HĐND ngày 04/7/2012 của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh dự kỳ họp,

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất lâm nghiệp, giai đoạn 2012-2015, gồm các nội dung sau:

**1. Đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh**

1.1. Đối tượng áp dụng: UBND các xã, phường, thị trấn; các tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tham gia đầu tư sản xuất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai (sau đây gọi tắt là chủ rừng).

1.2. Phạm vi điều chỉnh: Áp dụng cho các chủ rừng tham gia sản xuất giống cây lâm nghiệp; trồng, chăm sóc, bảo vệ phát triển rừng; các tổ chức tham gia vào hoạt động sản xuất, chế biến, tiêu thụ lâm sản đảm bảo đúng quy hoạch và các chương trình, dự án phát triển kinh tế lâm nghiệp được UBND tỉnh Lào Cai phê duyệt.

**2. Nội dung và mức hỗ trợ**

2.1. Trồng rừng phòng hộ đầu nguồn, phòng hộ bảo vệ môi trường, rừng đặc dụng: Mức hỗ trợ 15 triệu đồng/ha/4 năm.

2.2. Trồng rừng sản xuất áp dụng đối với các địa phương thuộc đối tượng quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ: Mức hỗ trợ 4,5 triệu đồng/ha.

2.3. Trồng rừng sản xuất áp dụng đối với các địa phương không thuộc đối tượng quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ

2.3.1. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng ở các xã đặc biệt khó khăn (theo Quyết định số 164/2006/QĐ-TTg ngày 11/7/2006 của Thủ tướng Chính

phủ về phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn), trồng rừng trên đất trống, đồi núi trọc, quy hoạch là rừng sản xuất thì được hỗ trợ vốn từ ngân sách nhà nước, mức hỗ trợ cụ thể như sau:

- Trường hợp 1: Trồng các loài cây sản xuất gỗ lớn (khai thác sau 10 năm tuổi), cây bản địa, mức hỗ trợ 4,5 triệu đồng/ha; trồng các loài cây sản xuất gỗ nhỏ, tre, luồng (khai thác trước 10 năm tuổi), mức hỗ trợ 3 triệu đồng/ha.

- Trường hợp 2: Trồng rừng tại các xã biên giới được hỗ trợ thêm 1 triệu đồng/ha ngoài mức hỗ trợ quy định tại Trường hợp 1 nêu trên.

- Trường hợp 3: Trồng rừng tại các xã có nhân dân tái định cư thuộc các dự án thủy điện do Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư được hỗ trợ thêm 1 triệu đồng/ha ngoài mức hỗ trợ quy định tại Trường hợp 1, 2 nêu trên.

2.3.2. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng trồng rừng không thuộc các xã đặc biệt khó khăn (theo Quyết định số 164/2006/QĐ-TTg ngày 11/7/2006 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn) trồng rừng trên đất trống, đồi núi trọc, quy hoạch là rừng sản xuất thì được hỗ trợ vốn từ ngân sách nhà nước, mức hỗ trợ cụ thể như sau:

- Được hỗ trợ cây giống, khuyến lâm, mức hỗ trợ tối đa: 2,25 triệu đồng/ha.

- Trồng cây phân tán, mức hỗ trợ: 2,25 triệu đồng/1.000 cây phân tán (tương đương một ha rừng trồng). Mức hỗ trợ cụ thể được căn cứ vào giá cây giống do UBND tỉnh công bố hàng năm.

Việc bố trí kế hoạch hỗ trợ vốn trồng rừng sản xuất hàng năm được tập trung vào các vùng nguyên liệu theo quy hoạch đã được phê duyệt và gắn với các nhà máy chế biến lâm sản trên địa bàn tỉnh.

2.4. Khoanh nuôi bảo vệ, xúc tiến tái sinh rừng phòng hộ, đặc dụng

- Khoanh nuôi, bảo vệ, xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên được hỗ trợ: 0,5 triệu đồng/ha/5 năm.

- Khoanh nuôi, bảo vệ, xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên có kết hợp trồng bổ sung: 01 triệu đồng/ha/6 năm (năm đầu: 0,5 triệu đồng/ha).

2.5. Khoán quản lý, bảo vệ rừng

2.5.1. Đối với các huyện thuộc diện đối tượng quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ:

- Mức khoán quản lý, bảo vệ rừng: 200.000 đồng/ha/năm.

- Đối tượng rừng khoán bảo vệ:

+ Rừng phòng hộ, rừng đặc dụng là rừng tự nhiên; rừng trồng hết thời hạn chăm sóc và đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

+ Rừng sản xuất là rừng tự nhiên có trữ lượng trung bình trở lên.

2.5.2. Đối với các địa phương khác:

- Mức hỗ trợ khoán quản lý, bảo vệ rừng: 200.000 đồng/ha/năm.

- Đối tượng rừng khoán bảo vệ: Rừng tự nhiên phòng hộ, rừng tự nhiên đặc dụng ở các khu vực: Đầu nguồn nước; khu vực xung yếu, rất xung yếu; nơi có nguy cơ xâm hại cao; rừng phòng hộ hai bên đường quốc lộ, tỉnh lộ; rừng cảnh quan ở trung tâm các đô thị, khu du lịch sinh thái; rừng đặc dụng ở các nơi trọng điểm gần khu dân cư; rừng trồng phòng hộ, đặc dụng hết thời hạn chăm sóc và đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Mức hỗ trợ đầu tư cụ thể theo hồ sơ thiết kế kỹ thuật và dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt hàng năm.

2.6. Các chi phí khuyến lâm chi phí khảo sát, thiết kế, ký kết hợp đồng trồng rừng; chi phí lập thẩm định duyệt dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất; chi phí cấp chứng chỉ rừng bền vững; chi phí giao đất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khoán đất trồng rừng đối với hộ gia đình, cá nhân được tính ngoài tổng mức hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất quy định tại các Khoản 2.2, 2.3, Mục 2, Điều 1 thực hiện theo mức quy định tại Điểm d, đ Khoản 1, Điều 1 Quyết định số 66/2011/QĐ-TTg ngày 09/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

#### 2.7. Hỗ trợ đầu tư vườn ươm giống

- Đối với xây dựng vườn ươm mới: Mức hỗ trợ tối đa: 300 triệu đồng/vườn, với quy mô, diện tích đất xây dựng vườn ươm tối thiểu 0,5 ha và có cam kết sử dụng đất được giao vào mục đích sản xuất cây giống trồng rừng ít nhất 10 năm.

- Đối với dự án nâng cấp, cải tạo vườn ươm: Mức hỗ trợ theo dự toán đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá: 75 triệu đồng/vườn ươm, theo tiêu chuẩn quy định tại Điểm a, mục này.

#### 2.8. Chính sách hỗ trợ về ứng dụng khoa học công nghệ

- Hỗ trợ kinh phí nghiên cứu và trồng khảo nghiệm các giống cây lâm nghiệp mới có năng suất, chất lượng cao theo dự án được UBND tỉnh phê duyệt. Mức hỗ trợ trực tiếp đến tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư không quá 60% giá thành trồng một ha rừng. Quy mô, diện tích mô hình nghiên cứu, khảo nghiệm không quá 100 ha. Mỗi hộ gia đình, cá nhân được nhận hỗ trợ không quá 2,0 ha. Mức cụ thể theo dự án, phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu sản phẩm lâm nghiệp cho các chủ rừng, các doanh nghiệp theo kế hoạch hàng năm được UBND tỉnh phê duyệt.

2.9. Chính sách hỗ trợ đầu tư chế biến lâm sản, xây dựng đường lâm nghiệp, vận chuyển lâm sản: Thực hiện theo chính sách hiện hành của Nhà nước ban hành theo Quyết định số 66/2011/QĐ-TTg ngày 09/12/2011, Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007, Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ. Quy mô, mức hỗ trợ theo dự án được UBND tỉnh phê duyệt.

## 2.10. Chính sách về đất đai, thuê, tín dụng

### 2.10.1. Chính sách về đất đai:

- Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có nhu cầu phát triển sản xuất lâm nghiệp được nhà nước giao đất, giao rừng; thuê đất lâm nghiệp, thuê rừng; giao khoán rừng để sản xuất kinh doanh phát triển kinh tế lâm nghiệp.

- Hạn mức giao đất lâm nghiệp, thuê đất lâm nghiệp để bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, rừng sản xuất:

+ Giao khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình tối đa không quá 30ha/hộ. Ưu tiên giao khoán rừng cho cộng đồng quản lý, bảo vệ. Trong trường hợp không thể giao khoán cho cộng đồng, thì ưu tiên giao khoán cho các hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ đồng bào dân tộc thiểu số và các hộ đang sinh sống tại thôn, bản có rừng giao khoán bảo vệ.

+ Đối với các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình được giao, thuê đất lâm nghiệp để trồng rừng, nếu chủ rừng sử dụng đất được giao trồng rừng sang các mục đích khác thì sẽ bị thu hồi diện tích sử dụng sai mục đích theo quy định hoặc nếu sau 24 tháng chủ rừng không trồng rừng trên diện tích đất được giao thì sẽ bị thu hồi diện tích không trồng rừng theo quy định của pháp luật.

### 2.10.2. Về tiền sử dụng đất, thuế tài nguyên:

- Miễn tiền sử dụng đất lâm nghiệp cho các đối tượng là tổ chức tham gia trồng rừng sản xuất theo quy định hiện hành của pháp luật.

- Miễn tiền thuê đất cho các đối tượng tham gia: Trồng rừng, sản xuất giống cây lâm nghiệp, xây dựng nhà máy chế biến lâm sản theo Khoản 1 Điều 5, Khoản 2 Điều 6 Nghị định 61/2010/NĐ-CP ngày 04/6/2010 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Chủ rừng được hưởng những chính sách ưu đãi về thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

### 2.10.3. Chính sách về tín dụng:

Các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân tham gia trồng rừng sản xuất phát triển rừng được vay vốn từ Ngân hàng Chính sách Xã hội hoặc Ngân hàng Thương mại.

## 2.11. Chính sách hưởng lợi lâm sản từ rừng phòng hộ, rừng sản xuất

- Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được hưởng chính sách hưởng lợi lâm sản từ rừng phòng hộ, rừng sản xuất theo các quy định tại Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 64/2006/QĐ-UBND ngày 20/7/2006 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định mức hưởng lợi của hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Việc quản lý và khai thác hưởng lợi gỗ và lâm sản ngoài gỗ thực hiện theo Điều 32, Quy chế quản lý rừng, ban hành kèm theo Quyết định số 186/2006/QĐ-

TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20/5/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

- Diện tích rừng trồng sản xuất hoặc rừng đặc dụng, rừng phòng hộ được trồng bằng nguồn vốn của Chương trình 327 trước đây và nguồn vốn từ ngân sách nhà nước thuộc Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, nay quy hoạch là rừng sản xuất; khi khai thác sản phẩm rừng trồng chủ rừng phải nộp cho ngân sách xã số tiền tương đương với 80 kg thóc/ha/chu kỳ rừng trồng, để xây dựng Quỹ phát triển rừng của xã và Quỹ phát triển rừng thôn, bản, trong đó trích nộp cho mỗi quỹ là 50%.

2.12. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách:

Tổng kinh thực hiện chính sách: 176.236,0 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 105.216,0 triệu đồng:

+ Trồng rừng phòng hộ: 2.828 ha = 42.420 triệu đồng (15 triệu đồng/ha/4 năm)

+ Trồng rừng sản xuất: 19.946 ha = 59.838 triệu đồng (3 triệu đồng/ha)

+ Khoanh nuôi XTTS: 5.916 ha = 2.958 triệu đồng (0,5 triệu đồng/ha)

- Ngân sách địa phương (Quỹ Bảo vệ và PTR): 71.020,0 triệu đồng: Bảo vệ rừng: 355.100 lượt ha/3 năm = 71.020 triệu đồng (0,2 triệu đồng/ha/năm).

## **Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao**

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được kỳ họp thứ 4, HĐND tỉnh Lào Cai khoá XIV thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2012; có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua và thay thế Nghị quyết số 08/2007/NQ-HĐND ngày 16/7/2007 của HĐND tỉnh Lào Cai về thông qua một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai./.

**CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Phạm Văn Cường**